

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/DS-PT  
Ngày 16-4-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Tài

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim C, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 1D, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 424/11/16/1 (số cũ 68/1, khu 7), phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/10/2020).

- *Bị đơn:* Bà Trầm Thị Kim H, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 567/B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Đức B, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp S, xã X, huyện M, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Số 17 lóc C, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21/9/2020).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Thanh T, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lý Thành D, sinh năm 1971; địa chỉ: Số Đ146/42, khu phố 5, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*- Người kháng cáo:* Bị đơn Trầm Thị Kim H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim C và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Trương Thị Kim C đã cho bà Trầm Thị Kim H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 29/11/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 29/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn thêm 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 29/11/2017. Nay bà C yêu cầu bà H thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 29/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 2: Ngày 01/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 01/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 01/12/2017. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 01/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 3: Ngày 04/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 75.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 04/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 04/12/2017. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 75.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 04/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 4: Ngày 11/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 11/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 11/12/2017. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 25.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 11/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 5: Ngày 19/12/2017, bà H viết giấy vay tiền để vay của bà C số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 19/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 19/12/2017. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 30.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 19/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 6: Ngày 29/12/2017, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 29/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 29/12/2017. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 29/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 7: Ngày 05/01/2018, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 05/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 05/01/2018. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 10.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 05/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 8: Ngày 27/01/2018, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Đến ngày 27/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ nhưng thực chất chưa trả cho bà C số tiền vay ngày 27/01/2018. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 20.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 27/3/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Lần 9: Ngày 04/3/2018, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, vay không có lãi. Nay bà C yêu cầu bà H trả tiền gốc 29.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 04/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 339.000.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trâm Thị Kim H trình bày:*

Bà H là người xem bói, bà Trương Thị Kim C đến xem bói nên từ đó hai bên quen nhau, còn ông Lý Thành D là người quen của bà H, ông D có nhờ bà H vay tiền của bà C nên bà H có vay tiền của bà C nhiều lần như sau:

Lần 1: Ngày 29/11/2017, bà H có viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy mượn nợ, bà C chỉ đưa bà H số tiền 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền lãi. Đến ngày 29/3/2018, bà H có mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn thêm 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, bà H chưa trả số tiền vay 40.000.000 đồng cho bà C.

Lần 2: Ngày 01/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy mượn nợ, nhưng bà C chỉ đưa bà H 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền lãi. Đến ngày 01/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, bà H chưa trả số tiền 40.000.000 đồng cho bà C.

Lần 3: Ngày 04/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 75.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ nhưng bà C chỉ đưa tiền mặt cho bà H 60.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng là tiền lãi. Do không có tiền trả vốn nên đến ngày 04/3/2018, bà H có mượn lại giấy mượn nợ và ghi

thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, bà H chưa trả số tiền vay 60.000.000 đồng cho bà C.

Lần 4: Ngày 11/12/2017, bà H viết giấy mượn nợ để vay của bà C số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, nhưng thực chất khoảng vay này là tiền lãi của 03 khoảng vay trên. Đến ngày 11/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, nhưng bà H chưa trả cho bà C số 25.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 19/12/2017, bà H viết giấy vay tiền để vay của bà C số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, nhưng bà C chỉ đưa cho bà số tiền 24.000.000 đồng, còn 6.000.000 đồng là tiền lãi đóng trước cho bà C. Đến ngày 19/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ, hiện nay bà chưa trả cho bà C số tiền 24.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 29/12/2017, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, bà C chỉ đưa bà số tiền 40.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền đóng lãi trước. Do chưa có tiền trả nên đến ngày 29/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ. Hiện nay bà chưa trả số tiền 40.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 05/01/2018, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, nhưng thực chất đây là tiền lãi của khoảng vay ngày 01/12/2017. Đến ngày 05/3/2018, bà mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ. Hiện nay, bà H còn nợ lại bà C số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 27/01/2018, bà H viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, nhưng thực chất đây là tiền lãi của khoảng vay ngày 29/11/2017. Đến ngày 27/3/2018, bà H mượn lại giấy mượn nợ và ghi thêm vào giấy mượn nợ là xin đáo hạn mượn lại 03 tháng, hoàn tất 03 tháng cũ. Hiện nay, bà còn nợ bà C số tiền trên.

Lần 9: Ngày 04/3/2018, bà viết giấy mượn tiền để vay của bà C số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay nợ, thực chất đây là tiền lãi của tất cả các khoản trên và bà C không còn tính tiền lãi nữa.

Tổng cộng, bà H vay của bà C số tiền 204.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 29/11/2017 là 40.000.000 đồng; ngày 01/12/2017 là 40.000.000 đồng; ngày 04/12/2017 là 60.000.000 đồng; ngày 19/12/2017 là 24.000.000 đồng; ngày 29/12/2017 là 40.000.000 đồng.

Đến ngày 29/3/2018, bà C có đề nghị với bà H là chuyển các khoản vay trên từ bà H sang cho ông Lý Thành D và từ đó ông D nợ bà C, bà H và ông D viết tờ giấy là bà H không còn nợ bà C nữa, mà chuyển sang ông D nợ bà C. Tờ giấy thương lượng bàn giao thì bà C không có ký vào, khi bà C cho bà H vay tiền thì bà C cũng không ký vào giấy vay nợ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà C thì bà H không đồng ý, vì đã chuyển nợ sang ông D rồi. Đề nghị bà C phải đi khởi kiện ông D.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Thành D trình bày:*

Ông D có nhận được Thông báo của Tòa án về việc đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông D có nhờ bà H mượn tiền giúp ông D nhưng không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu, còn việc ông D sẽ trả nợ thay bà H cho bà C thì ông D sẽ trình bày sau.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Kim C đối với bị đơn bà Trầm Thị Kim H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn bà Trầm Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Trương Thị Kim C với tổng số tiền là 415.268.286 đồng (trong đó: 339.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 76.268.286 đồng là tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 30/9/2020 bà Trầm Thị Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:* Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự có trong hồ sơ vụ án nên xét xử không đảm bảo quyền lợi của các bên. Quan hệ vay nợ giữa các bên là có nhưng bị đơn chỉ thừa nhận 05 giấy vay là có căn cứ nợ gốc, còn các giấy vay khác là nợ lãi trên nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào 09 giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nhưng không xem xét 04 giấy vay nợ chuyển từ lãi sang gốc. Quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ là người xem bói và thầy bói và bà C chỉ bán căn tin nên không thể cho bà H vay nhiều lần mà không có lãi được. Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất nội dung giấy vay nợ đảo hạn như các giấy ngày: 04/12/2017, 11/12/2017, 19/12/2017, 29/12/2017, 05/01/2018, mà trong các giấy nợ này đều ghi “Đã giải quyết hoàn tất ba tháng cũ”. Như vậy, đây là nội dung chứng minh bị đơn trả lãi cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn giải thích ghi lại nội dung trên để phủ định nội dung giấy vay nợ nhưng phủ định nội dung gì là chưa rõ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thỏa thuận giữa ba bên ngày 29/3/2018 giữa ông Lý Thành D, bà H và bà C, không đối chất làm rõ giữa ba bên; không yêu cầu nguyên đơn chứng minh đã giao tiền vay cho bị đơn; chưa áp dụng đúng pháp luật theo Điều 465 Bộ luật Dân sự, bà H không thừa nhận vay nhưng bà C không chứng minh được giao tiền cho bà H, bà H chỉ thừa nhận vay 204.000.000 đồng, còn lại bà C không chứng minh được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án cho toàn diện.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:*

Về thời hạn kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đúng hạn luật định.

Về căn cứ kháng cáo: Bị đơn xác định do cần tiền nên có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần. Bị đơn chỉ thừa nhận vay 05 lần, thừa nhận chữ viết, chữ ký tên trên nội dung các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết và ký xác nhận vào. Bị đơn cho rằng có 04 lần viết giấy vay tiền nhưng thực chất là tiền lãi trên số nợ gốc đã vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không chứng minh được vay có lãi, lãi là bao nhiêu nên không có căn cứ xác định 04 giấy vay tiền là tiền lãi của số tiền vay gốc trên. Bên cạnh đó, bị đơn cho rằng ngày 29/3/2018 có thỏa thuận giữa ba bên gồm bà C, bà H và ông Lý Thành D, tuy nhiên văn bản này không có sự xác nhận của nguyên đơn và nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận này. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nhưng đã được làm rõ tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Lý Thành D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay gốc là 402.000.000 đồng và tiền lãi là 113.062.500 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 63.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 339.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trên số tiền này theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Nguyên đơn bà Trương Thị Kim C chứng minh số tiền vay gốc 339.000.000 đồng bằng Giấy mượn nợ ngày 29/11/2017 (bút lục 17), Giấy vay tiền ngày 01/12/2017 (bút lục 13), Giấy vay nợ ngày 04/12/2017 (bút lục 16), Giấy vay nợ ngày 11/12/2017 (bút lục 15), Giấy vay tiền ngày 19/12/2017 (bút lục 14), Giấy mượn tiền ngày 29/12/2017 (bút lục 12), Giấy mượn tiền ngày 05/01/2018 (bút lục 18), Giấy mượn tiền ngày 27/01/2018 (bút lục 19) và Giấy mượn tiền ngày 04/3/2018 (bút lục 11).

[2.3] Bị đơn bà Trầm Thị Kim H xác định có vay tiền của bà Trương Thị Kim C và ký các giấy nợ ngày: 29/11/2017, 01/12/2017, 04/12/2017, 11/12/2017, 19/12/2017, 29/12/2017, 05/01/2018, 27/01/2018 và 04/3/2018 nêu trên nhưng bà H cho rằng trong số 09 giấy nợ nêu trên, thực tế bà H chỉ vay của bà C tổng số tiền là 204.000.000 đồng (đã trừ tiền lãi bà C đã nhận là 51.000.000 đồng), theo Giấy mượn nợ ngày 29/11/2017 (bút lục 17), Giấy vay tiền ngày 01/12/2017 (bút lục 13), Giấy vay nợ ngày 04/12/2017 (bút lục 16), Giấy vay tiền ngày 19/12/2017 (bút lục 14), Giấy mượn tiền ngày 29/12/2017 (bút lục 12). Riêng Giấy vay nợ ngày 11/12/2017 là tiền lãi của các khoản vay các ngày 29/11/2017, 01/12/2017 và 04/12/2017; Giấy mượn tiền ngày 05/01/2018 là tiền lãi của khoản vay ngày 01/12/2017; Giấy mượn tiền ngày

27/01/2018 là tiền lãi của khoản vay ngày 29/11/2017 và Giấy mượn tiền ngày 04/3/2018 là tiền lãi của tất cả các khoản vay.

[2.4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tài sản, được điều chỉnh theo các quy định tại các Điều: 463, 464, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.5] Bà C không đồng ý với lời khai của bà H mà xác định toàn bộ khoản nợ là tiền vay gốc, bà C cho bà H vay không có lãi nên không nhận bất kỳ số tiền lãi nào của bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà H cho rằng các giấy vay tiền ngày 11/12/2017, ngày 05/01/2018, ngày 27/01/2018 và ngày 04/3/2018 là tiền lãi nhưng bà H không chứng minh được việc vay có lãi và việc trả tiền lãi vay. Bà H cho rằng nguyên đơn không chứng minh được việc giao tiền vay cho bị đơn nhưng bà H thừa nhận có vay và nợ bà C tổng số tiền là 204.000.000 đồng, theo Giấy mượn nợ ngày 29/11/2017, Giấy vay tiền ngày 01/12/2017, Giấy vay nợ ngày 04/12/2017, Giấy vay tiền ngày 19/12/2017, Giấy mượn tiền ngày 29/12/2017. Ở góc trái của các giấy nợ bà H thừa nhận nêu trên và các giấy nợ bà H cho rằng là tiền lãi, đều có nội dung xin đáo hạn và “phần cũ đã giải quyết xong” hoặc “phần tiền 3 tháng cũ đã giải quyết xong” hoặc “đã giải quyết hoàn tất 3 tháng cũ. Do đó, không có căn cứ xác định tiền lãi theo lời khai của bị đơn. Đồng thời, bà H cho rằng bà H đứng ra bảo lãnh cho ông Lý Thành D vay tiền của bà C, bà H đứng ra mượn và trả nợ, đóng lãi đến ngày 29/3/2018 thì không còn khả năng trả vốn cho bà C nên các bên thống nhất thỏa thuận chuyển nợ của bà H sang cho ông Lý Thành D, bà H không còn nợ bà C, bà H và ông D có ký giấy thỏa thuận. Tuy nhiên, bà C xác định không đồng ý việc chuyển nợ này mà vẫn yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ. Bà H không chứng minh được bà C đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên lời khai này của bà H không được chấp nhận. Bà H thừa nhận vay tiền của bà C cho ông D vay lại nên giao dịch giữa bà H và ông D không liên quan đến giao dịch vay tài sản giữa bà H và bà C. Do đó, việc bà H vay tiền của bà C nhưng không trả nợ vay gốc theo thời hạn thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bà H không trả nợ vay đúng hạn nên phải trả lãi cho bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.6] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H có trách nhiệm trả tiền vay gốc và lãi suất cho bà C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không giao nộp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận; ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim H.
  2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
  3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim H được miễn nộp.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**